

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Tén Tằn,
huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị và các quy định của pháp luật có liên quan;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Mường Lát tại Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2012; của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2743/TTr-QH ngày 09 tháng 10 năm 2012 về việc xin phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Tén Tằn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025; (nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2008),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Tén Tằn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, với nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu:

Cụ thể hóa đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới và quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội đã được phê duyệt, tạo cơ sở pháp lý để kêu gọi đầu tư và quản lý việc xây dựng phát triển đô thị theo định hướng đề ra.

Xây dựng đô thị dịch vụ, thương mại gắn với cửa khẩu, đảm bảo yêu cầu an ninh quốc gia, an ninh biên giới, thúc đẩy phát triển khu vực dân cư các xã vùng biên, với quy mô đô thị loại V.

2. Phạm vi ranh giới và diện tích lập quy hoạch.

- Phía Bắc giáp: Sông Mã;
- Phía Nam giáp: Núi Tén Tằn;
- Phía Đông giáp: Bản Na Khà, xã Tén Tằn;
- Phía Tây giáp: Xã Tén Tằn và nước CHDCND Lào;

Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 400 ha.

3. Tính chất, chức năng.

Là đô thị cửa khẩu quốc tế với chức năng là đầu mối giao lưu kinh tế, văn hoá, dịch vụ thương mại giữa hai nước Việt - Lào và đảm bảo an ninh quốc gia, an ninh biên giới.

4. Quy mô dân số và đất đai.

a) Quy mô dân số:

Dân số hiện có: 1.528 người.

Dân số dự báo đến năm 2025: khoảng 4.000 người.

b) Qui mô đất đai:

Diện tích trong giới hạn lập quy hoạch: 400 ha. Trong đó:

- Đất dân dụng: 56,87 ha; gồm:

+ Đất hành chính, chính trị, cơ quan quản lý	: 1,78 ha
+ Đất thương mại dịch vụ	: 6,25 ha
+ Đất trung tâm y tế	: 0,60 ha
+ Đất trung tâm văn hoá, thể thao	: 3,16 ha
+ Đất công trình giáo dục	: 2,63 ha
+ Đất trung tâm khu ở	: 1,94 ha
+ Đất cây xanh đô thị	: 6,00 ha
+ Đất giao thông đô thị	: 10,71 ha
+ Đất ở (cả thổ canh trong thổ cư)	: 23,80 ha

- Đất ngoài khu vực dân dụng: 105,15 ha; gồm:

+ Đất quốc phòng + khu thao trường	: 2,01 ha
+ Đất XD các công trình khu vực cửa khẩu	: 8,96 ha
+ Đất GT đối ngoại, công trình đầu mối	: 12,59 ha
+ Đất mặt nước, Sông, Suối	: 25,42 ha
+ Đất nông nghiệp (trồng lúa)	: 56,17 ha

- Đất đồi núi, đất khác: : 238.0 ha.

5. Phân khu chức năng:

a) Khu trung tâm hành chính - chính trị, cơ quan văn phòng:

Hình thành khu trung tâm mới gồm: Trụ sở Đảng uỷ HĐND, UBND đô thị, ngân hàng, bưu điện, thuế, các cơ quan đoàn thể... Với phương châm đầu tư xây dựng hợp khối liên cơ quan để tiết kiệm đất và tạo được sự bề thế về không gian kiến trúc. Vị trí các công trình được xác định về phía Đông trục đường trung tâm.

Diện tích khu đất khoảng 1,78 ha; gồm các lô có ký hiệu: HC01, CQ01. Mật độ xây dựng: 40%; Tầng cao trung bình: 4 tầng; Hệ số sử dụng đất: 1,6 lần.

b) Trung tâm thương mại, dịch vụ:

Nâng cấp, cải tạo, mở rộng các cơ sở dịch vụ thương mại hiện có tại khu vực ngã ba chợ cũ tới giáp khu liên kiểm (phía Tây trục trung tâm tới giáp suối Sim). Bố trí các công trình dịch vụ thương mại như: chợ đầu mối, siêu thị, nhà hàng, khách sạn, cửa hàng miễn thuế, các cửa hàng xăng dầu...

Diện tích khu đất khoảng 6,25 ha; gồm các lô có ký hiệu: TM01, TM02, TM03, TM04, TM05. Mật độ xây dựng: 40%; Tầng cao trung bình: 4 Tầng; Hệ số sử dụng đất: 1,6 lần.

c) Trung tâm Văn hoá, thể thao:

Xây dựng nhà văn hoá đa năng (văn hoá, bảo tàng, thư viện) được bố trí tại khu trung tâm đô thị, phía Đông khu hành chính chính trị .

Xây dựng khu thể thao tổng hợp tạo thành quần thể kiến trúc tập trung, tạo được điểm nhấn trong không gian đô thị, đáp ứng nhu cầu tập luyện, thi đấu thể thao đồng thời là nơi tổ chức các sự kiện văn hoá, chính trị... được bố trí tại khu đất phía Đông đồn biên phòng 485.

Diện tích khoảng 3,16 ha; gồm các lô đất có ký hiệu: CC-TT01, CC-VH01. Mật độ xây dựng: 20-30 %; Tầng cao trung bình: 2-3 tầng; Hệ số sử dụng đất: 0,4-0,9 lần.

d) Trung tâm y tế:

Xây dựng trung tâm y tế, phòng khám đa khoa khu vực phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân đô thị cũng như các xã lân cận.

Diện tích khu đất 0,6 ha; vị trí khu đất có ký hiệu: BV01. Mật độ xây dựng: 30%; Tầng cao trung bình: 3 Tầng; Hệ số sử dụng đất: 0,9 lần.

e) Trung tâm giáo dục:

Giữ nguyên trường tiểu học hiện có tại vị trí cũ. Trên cơ sở cân đối diện tích đáp ứng cho yêu cầu mở rộng các cơ sở này đồng thời đầu tư xây dựng mới trường Tiểu học cơ sở 2 và trường PTCS, với phương châm xây dựng thành trường chuẩn Quốc gia. Vị trí trường phổ thông cơ sở bố trí tiếp giáp trường tiểu học hiện có, riêng trường tiểu học cơ sở 2 bố trí về phía Tây suối Sim.

Diện tích khu đất 2,63 ha; gồm các lô đất có ký hiệu: TH01, TH02, TH03. Mật độ xây dựng: 40%; Tầng cao trung bình: 1,5 tầng; Hệ số sử dụng đất: 0,6 lần.

Hình thành trung tâm các khu ở: (4 khu ở, mỗi khu ở có quy mô dân số khoảng 1000 dân), được đầu tư xây dựng gồm: Hệ thống trường mầm non, nhà văn hoá, sân thể thao, các công trình dịch vụ, bãi đỗ xe... Vị trí được xác định ở trung tâm của từng khu ở.

Diện tích chiếm đất 1,94 ha; gồm các lô đất có ký hiệu: KO01 ÷ KO08. Mật độ xây dựng: 35%; Tầng cao trung bình: 3 tầng; Hệ số sử dụng đất: 1,05 lần.

f) Đất quốc phòng:

Ổn định các công trình đảm bảo an ninh quốc phòng, an ninh biên giới (Đồn 485, khu thao trường, khu Liên kiểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định

1486/QĐ-UBND ngày 19/5/2009). Diện tích 10,97ha (không kể đất vành đai bảo vệ). Ký hiệu: QP01; QP 02; QP 03; Mật độ xây dựng: 20-35%; Tầng cao: 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất: 0,2-0,9 lần.

g) Nhà ở và dân cư:

- Đất dân cư hiện có cải tạo:

Trên cơ sở dân cư hiện có: Bố cục, sắp xếp chỉnh trang lại với phương châm nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nhằm nâng cao dần chất lượng sống cho các khu dân cư này, đáp ứng với yêu cầu phát triển của đô thị .

Xây dựng các trục phố thương mại dọc trục đường chính và các phố thương mại ở khu vực chợ và đặc biệt trục tỉnh lộ 520.

Diện tích chiếm đất 11,65 ha; gồm các lô đất có ký hiệu: HTCT01 ÷ HTCT17; Mật độ xây dựng: 40%; Tầng cao trung bình: 2,5 tầng; Hệ số sử dụng đất: 1,0 lần.

- Đất dân cư phát triển :

Hình thành các khu dân cư mới đáp ứng cho yêu cầu phát triển của đô thị với mô hình nhà vườn (nhà sàn), nhà liền kề, nhằm tăng chiều dày cho đô thị đồng thời tạo cho đô thị có không gian hợp lý, môi trường trong lành, bền vững. Các khu dân cư mới được bố trí một lớp nhà bám theo các trục giao thông và tựa lưng vào núi (trên diện tích đất đồi núi trọc và đất sản xuất lâm nghiệp)

Diện tích chiếm đất 12,15 ha; gồm các lô đất có ký hiệu: PT01 ÷ PT27. Mật độ xây dựng: 60%; Tầng cao trung bình: 2,5 tầng; Hệ số sử dụng đất: 1,5 lần.

h) Đất công trình đầu mối :

- Đất nghĩa địa: được bố trí về phía Đông Đô thị (khu nghĩa địa hiện có tại bản Piềng Mòn). Việc đầu tư công trình, phải trên cơ sở dự án đầu tư xây dựng được duyệt nhằm tạo ra một khu công viên văn hoá tâm linh đẹp, trang trọng. Diện tích khu nghĩa địa 2,92 ha; lô đất có ký hiệu: ND01.

- Khu xử lý rác thải đưa ra ngoài đô thị (theo quy hoạch tổng thể chất thải rắn toàn tỉnh), vị trí khu xử lý rác thải được bố trí cách trung tâm đô thị 5km về phía Đông thuộc địa phận xã Tén Tằn; trong đô thị chỉ bố trí các điểm tập trung rác trước khi chuyển tới khu xử lý rác thải tập trung của đô thị.

6. Định hướng phát triển không gian và kiến trúc:

a) Phát triển không gian:

Không gian đô thị được chia làm 4 khu vực gồm:

- Khu 1 Tén Tằn (phía Đông trục trung tâm) - khu 1.
- Khu 2 Tén Tằn (phía Tây trục trung tâm) - khu 2.
- Khu Chiềng Cống - khu 3.
- Khu Piềng Mòn - khu 4.

Hướng phát triển không gian Đô thị giai đoạn từ nay tới năm 2025: Phát huy các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các dân cư hiện có. Khu trung tâm Đô thị được bố trí tập trung hai bên trục đường từ ngã 3 chợ cũ tới giáp khu liên

kiểm (cửa khẩu Tén Tán), các khu chức năng khác của thị trấn được bố trí dọc tuyến tỉnh lộ 520 và đường từ trung tâm Đô thị đi Quang Chiểu.

Khai thác quỹ đất đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (hạn chế việc sử dụng đất trồng lúa), thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế đa ngành nghề đưa đô thị thành trung tâm kinh tế của huyện, thúc đẩy phát triển khu vực dân cư các xã giáp biên giới.

b) Định hướng về kiến trúc:

- Kiến trúc công trình trụ sở cơ quan:

Các công trình trụ sở cơ quan đã xây dựng cần được chỉnh trang, cải tạo, hợp khối liên cơ quan, nâng tầng để tạo bộ mặt kiến trúc công trình và tiết kiệm đất, dành đất cho xây dựng các khu chức năng khác theo nhu cầu phát triển của đô thị như: Xây dựng nhà ở của cán bộ công nhân viên, trụ sở các cơ quan hành chính kinh tế, dịch vụ, khuôn viên, cây xanh, sân bãi TĐTT...

Các công trình trụ sở cơ quan dự kiến xây dựng mới trên các tuyến phố, nhất thiết phải xây dựng hợp khối, tầng cao từ 3 - 4 tầng hiện đại, bền vững.

- Kiến trúc công trình công cộng:

Phải phù hợp với yêu cầu hoạt động đa dạng của cộng đồng dân cư. Hình thức kiến trúc phong phú và hài hoà với không gian chung. Một số công trình như nhà văn hoá, câu lạc bộ thể thao, chợ đầu mối... phải thoả mãn nhu cầu sinh hoạt ngày càng cao và thể hiện bản sắc tiêu biểu của địa phương.

- Kiến trúc nhà ở:

Nhà ở xây dựng trên các trục phố chính và trong khu trung tâm xây dựng 2 tầng trở lên. Hình thức kiến trúc phong phú, đa dạng, tuân thủ quy định về chỉ giới xây dựng, đường đỏ, thống nhất về chiều cao tầng, màu sắc và quy định về mỹ quan của kiến trúc đường phố. Các công trình dân cư hiện trạng tại các tuyến phố chính cần được chỉnh trang để đạt được yêu cầu mỹ quan đô thị.

Nhà ở xây dựng sau các lô phố, xây dựng kiểu nhà biệt thự, nhà vườn cao 1- 2 tầng, cần khai thác hình thức, kiến trúc truyền thống kết hợp với khuôn viên cây xanh tạo thành các khu nhà ở chất lượng cao, thân thiện môi trường.

7. Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch giao thông:

- Tuyến đường 1 (Đường tỉnh 520): Tuyến giao thông chính của đô thị với nước CHDCND Lào.

+ Đoạn từ N1-N5: Tuân theo mặt cắt ngang quy hoạch khu Liên kiểm đã được duyệt.

+ Đoạn từ ngã ba chợ Tén Tán đến khu liên kiểm (từ N13 đến N5): dài 215m, Mặt cắt ngang 1-1: mặt đường 15m, vỉa hè 5mx2; chỉ giới đường đỏ 25m, chỉ giới xây dựng 33m (khoảng lùi mỗi bên là 4m).

+ Đoạn từ ngã ba chợ Tén Tán đi thị trấn Mường Lát: mặt đường 7,5m; vỉa hè 4mx2; chỉ giới đường đỏ là 15,5m.

- Tuyến đường 2: (Tén Tản - Quang Chiêu - Mường Chanh): Chiều dài tuyến 3,669m; Mặt cắt ngang: mặt đường 7,5m; vỉa hè 4mx2; CGĐĐ 15,5m.

- Tuyến đường 3; 5: Mặt cắt ngang 3-3: chiều rộng mặt đường 7,5m; vỉa hè 3mx2; chỉ giới đường đỏ 13,5m.

- Tuyến đường 4: Điểm đầu là nút N3; điểm cuối là nút N12; chiều dài tuyến 340m. Mặt cắt ngang 4-4: mặt đường 7,5m; vỉa hè 2mx2; CGĐĐ 11,5m (Tuyến quy hoạch có cầu bắc qua suối Sim).

- Tuyến đường 6: Điểm đầu N19; điểm cuối N20; mặt cắt ngang 2-2: mặt đường 7,5m; vỉa hè 4mx2; chỉ giới đường đỏ 15,5m.

- Tuyến đường 7: mặt cắt ngang 4-4: mặt đường 7,5m; vỉa hè 2mx2; chỉ giới đường đỏ 11,5m.

- Tuyến đường 8: Tuyến mở mới chạy dọc suối Sim và nối vào tuyến đường tỉnh 520; mặt cắt ngang 4-4: mặt đường 7,5m; vỉa hè 2mx2; chỉ giới đường đỏ 11,5m.

- Tuyến đường 9: Điểm đầu N2; điểm cuối N11; mặt cắt ngang 4-4: mặt đường 7,5m; vỉa hè 2mx2; chỉ giới đường đỏ 11,5m (Tuyến đường cải tạo nâng cấp đi bản Piềng Mòn).

- Tuyến đường 10: mặt cắt ngang 4-4: mặt đường 7,5m; lề 2mx2; chỉ giới đường đỏ 11,5m (Tuyến đường mở mới dẫn vào khu nghĩa địa của đô thị Tén Tản).

b) Quy hoạch san nền:

Giải pháp san nền cục bộ trên cơ sở địa hình, cao độ thực tế, cao độ ngập lụt, chia làm 2 khu vực chính, cụ thể như sau:

- Khu vực 1: Thuộc khu vực dọc bờ Đông sông Mã, tỉnh lộ TL-520 đi cửa khẩu Tén Tản, đây là khu trung tâm chính đô thị. Chọn nền khu đất xây dựng thấp nhất là: 183,5 m; nền khu đất xây dựng cao nhất là 245,0m; cá biệt có thể đến cao độ 248m. Độ dốc nền từ $i = 0,005 - 0,04$

Khu vực trung tâm ngã ba TL-520, đường rẽ đi cửa khẩu Tén Tản khu đất xây dựng thoải hơn, cao độ từ 209 đến 230m. Độ dốc nền thiết kế $i = 0,003 - 0,02$.

- Khu vực 2: Khu vực còn lại từ ngã ba đường rẽ cửa khẩu Tén Tản về suối Sim đường đi Quang Chiêu. Chọn nền khu đất xây dựng thấp nhất là: 184,0 m. Nền khu đất xây dựng cao nhất là 245,0m; cá biệt có thể đến cao độ 250,0 m. Độ dốc nền từ $i = 0,004 - 0,05$.

Khu vực trung tâm ngã ba TL-520, đường rẽ đi Quang Chiêu, nền khu đất xây dựng cân thoải hơn, cao độ nền xây dựng từ 209m đến 230m. Độ dốc nền thiết kế $i = 0,003 - 0,02$. Dọc theo suối Sim địa hình dốc hơn, cao độ nền xây dựng từ 211m đến 235m. Độ dốc nền thiết kế $i = 0,005 - 0,06$.

Căn cứ vào địa hình và quy hoạch san nền khu đất, cao độ thực tế, cao độ ngập lụt, của từng khu vực chiều cao đào đắp nền khu vực trung bình là từ 1,5 - 3,5m, độ dốc nền từ $i = 0,003 - 0,04$.

c) Thoát nước:

Phân chia lưu vực thoát nước theo 2 lưu vực san nền thiết kế như sau:

- Lưu vực 1: Giới hạn bởi bờ đông sông Mã, tỉnh lộ TL-520 đi cửa khẩu Tén Tàn. Đây là khu trung tâm chính đô thị. Hướng thoát chính khu vực dọc theo sườn núi Tén Tàn bằng cống ngầm, mương tấm đan, mương hở, chảy thoát theo độ dốc thiết kế xả vào sông Mã. Bố trí hệ thống cống ngầm $D=80-120$ cm, cống hộp $B=50-80$ cm. Khu dân cư ở tập trung bố trí hệ thống thoát nước: Cống hộp, mương tấm đan $B=50-80$ cm. Khu vực còn lại dọc theo sườn núi TL-520 thoát bằng mương tấm đan $b=50-80$ cm, mương hở $B = 3-8$ m xả vào sông Mã. Hướng thoát nước theo hướng dốc san nền. Độ dốc cống, mương thoát nước theo độ dốc nền và đường quy hoạch.

- Lưu vực 2 (Khu vực còn lại): Được giới từ ngã ba đường rẽ cửa khẩu Tén Tàn về suối Sim, đường đi Quang Chiêu. Hướng thoát chính khu vực dọc theo sườn núi Tén Tàn bằng cống ngầm, mương tấm đan, mương hở, chảy thoát theo độ dốc thiết kế xả vào suối Sim. Khu trung tâm và khu dân cư ở tập trung bố trí hệ thống thoát nước chính là: cống ngầm $D = 80 - 120$ cm, cống hộp $B=50-80$ cm và mương tấm đan $B=50-80$ cm. Khu vực còn lại dọc theo sườn núi suối Sim, đường đi Quang Chiêu. Đây là khu dân cư kiểu làng bản truyền thống. Hệ thống thoát nước thiết kế là: Mương tấm đan $b=50-80$ cm, mương hở $B = 3-8$ m xả vào suối Sim và sông Mã. Hướng thoát nước chính cho từng khu đất theo hướng dốc san nền. Độ dốc cống, mương thoát nước theo độ dốc nền và đường quy hoạch.

d) Hệ thống cấp điện:

Nguồn điện: Lộ 374 Bá Thước - Mường Lát từ trạm trung gian 110kV Bá Thước CS 110/35/22KV-1x25MVA. Nâng cấp đường dây để đảm bảo công suất truyền tải, dây dẫn là AC95.

Tổng công suất các trạm biến áp là 1.400 KVA.

Bố trí các trạm biến áp với gam công suất: 75, 100, 180, 320 KVA.

e) Hệ thống cấp nước:

Nguồn nước cấp cho đô thị được xác định là nguồn nước từ sông Mã. Đầu tư xây dựng mới trạm cấp nước cho đô thị có công suất 800 m³/ngđ, vị trí trạm được đặt ở chân núi Tén Tàn gần trung tâm đô thị. Nước sông Mã được trạm bơm cấp 1 bơm về trạm xử lý, sau khi được xử lý được bơm lên bể đặt trên núi sau trạm xử lý ở cao độ 320,0m, từ đây nước tự chảy đến các đối tượng dùng nước trong đô thị qua hệ thống mạng đường ống cấp I, II và ống tiêu thụ.

Tổng nhu cầu dùng nước của đô thị là : $Q \approx 800$ m³/ngđ.

f) Thoát nước thải và VSMT:

- Lựa chọn hệ thống mạng lưới thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước thải và nước mưa của đô thị trong giai đoạn đầu được thiết kế đi chung, nước thải từ các đối tượng sử dụng được xử lý cục bộ qua các bể phốt trước khi xả ra cống chung khu vực, nước được thoát ra nguồn tiếp nhận là các khe suối hiện có trong đô thị.

+ Tổng công suất của các khu xử lý nước thải bằng 80% lượng nước cấp bằng 600m³/ng.đ.

- Xử lý rác thải: Trong khu vực đô thị, trong các khu dân cư, khu công trình công cộng... bố trí các trạm thu gom rác, cuối ngày xe thu gom rác đến vận chuyển rác đến bãi rác đô thị để xử lý, nhằm đảm bảo VSMT cũng như sự phát triển bền vững của đô thị.

g) Thông tin liên lạc:

Phát triển hệ thống dây dẫn chạy dọc theo các tuyến giao thông, nâng công suất tổng đài để mở rộng mạng điện thoại trong khu vực đô thị và các xã lân cận đáp ứng nhu cầu phát triển của đô thị. Đảm bảo chỉ tiêu: 200 máy cho 1000 dân.

h) Cây xanh, vệ sinh môi trường:

- Trồng cây xanh 2 bên trục đường giao thông, chọn loại cây có bóng mát, ít sâu bệnh. Thực hiện việc đầu tư xây dựng công viên, khuôn viên theo quy hoạch.

- Khuyến khích các hộ gia đình trồng các loại cây ăn quả có giá trị, kết hợp tạo bóng mát, góp phần cải tạo môi sinh, môi trường. Các hộ dân và cơ quan nhà nước phải xây dựng công trình vệ sinh theo tiêu chuẩn, xây dựng vệ sinh tự hoại, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung đô thị.

- Xây dựng nhà máy xử lý rác thải khu nghĩa địa theo quy hoạch đô thị để đảm bảo vệ sinh môi trường, và phát triển bền vững.

8. Quy hoạch xây dựng đợt đầu.

a) Chương trình xây dựng cơ sở kinh tế tạo động lực phát triển :

Lập quy hoạch chi tiết các khu chức năng đô thị, quy hoạch chuyên ngành làm cơ sở quản lý và chỉ đạo thực hiện.

b) Chương trình cải tạo nâng cấp hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Giao thông vận tải: Lập dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trung tâm đô thị; Xây dựng các điểm dịch vụ phục vụ cho vận tải.

- Về chuẩn bị kỹ thuật san nền: Chuẩn bị mặt bằng cho các khu xây dựng mới tại khu vực phát triển đô thị, khu tiểu thủ công nghiệp và các khu dân cư. Thực hiện giải phóng, tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo khu vực xây dựng không bị sạt lở, ngập lụt, thoát nước thuận lợi, khối lượng san lấp ít.

- Cấp nước: Lập dự án, đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước cho đô thị, đáp ứng cho từng giai đoạn phát triển của đô thị.

- Thoát nước và VSMT: Lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đô thị; Tổ chức hệ thống thu gom rác, xác định vị trí bãi thu gom để xử lý rác thải.

- Cấp năng lượng, cấp điện và chiếu sáng công cộng :

+ Về nguồn: từ lộ 374 trạm 110kV Bá Thước thông qua các trạm biến áp hiện có, đầu tư xây dựng thêm các trạm theo quy hoạch.

+ Về lưới: Sử dụng khai thác các lưới điện hiện có, đầu tư xây dựng mới các tuyến điện bám theo các trục giao thông. Với phương châm phục vụ cho sinh hoạt sản xuất đồng thời kể cả việc đầu tư điện chiếu sáng công cộng trên các đường phố.

c) Chương trình cải tạo các công trình, các khu dân cư đô thị.

Cải tạo chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có. Đáp ứng cho yêu cầu phát triển và tạo được một bộ mặt mới cho đô thị.

d) Chương trình phát triển khu đô thị mới.

Lập dự án và triển khai đầu tư khu đô thị mới gồm :

- Lập dự án đầu tư một số các công trình dịch vụ thương mại.
- Lập dự án đầu tư một số khu dân cư theo mô hình nhà ở liên kế, nhà sàn, nhà vườn.

e) Chương trình bảo vệ môi trường đô thị.

- Đầu tư xây dựng khu nghĩa địa tập trung.
- Bảo vệ, quản lý hệ thống sông suối hiện có đảm bảo vệ sinh môi trường bền vững.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND huyện Mường Lát:

- Căn cứ nội dung phê duyệt tại quyết định này, cùng với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ đồ án theo quy định, gửi Sở Xây dựng kiểm tra, đóng dấu “thẩm tra” để lưu trữ và làm căn cứ quản lý thực hiện quy hoạch;

- Phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn và các ngành, các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Tén Tằn để các tổ chức và nhân dân biết biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện;

- Xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc đô thị; Chương trình phát triển đô thị; Kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

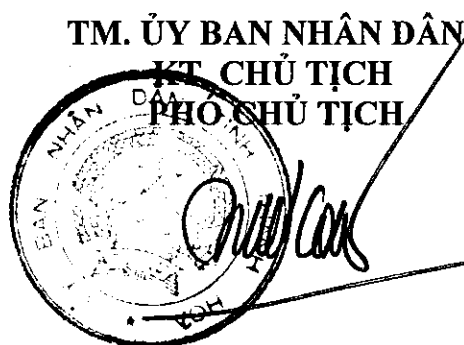
2. Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Viện trưởng Viện QHKT Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
 - Chủ tịch, các PCT;
 - Lưu: VT, CN.
- (H2.QDPD QHC TT Ten Tan.doc)



Nguyễn Ngọc Hồi